

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		2,831,040,641,243	2,668,016,407,160
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	324,692,653,443	220,739,121,164
1. Tiền	111		324,692,653,443	190,739,121,164
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	30,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	621,561,456,338	653,104,516,751
1. Đầu tư ngắn hạn	121		626,522,485,089	657,122,435,008
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4,961,028,751)	(4,017,918,257)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		996,041,650,699	1,060,151,895,249
1. Phải thu khách hàng	131		660,083,049,083	780,042,357,249
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	320,603,927,627	302,902,087,928
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	339,479,121,456	477,140,269,321
2. Trả trước cho người bán	132		9,839,607,900	11,099,798,141
3. Các khoản phải thu khác	135	9	367,868,282,635	310,620,165,580
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(41,749,288,919)	(41,610,425,721)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		56,789,267,257	71,322,384,847
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	56,453,599,217	71,226,447,092
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		51,370,970,733	67,860,460,031
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		5,082,628,484	3,365,987,061
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		335,668,040	95,937,755
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	-	-
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	831,955,613,506	662,698,489,149
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		436,024,686,065	360,141,531,025
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		395,930,927,441	302,556,958,124
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		1,022,732,557,400	814,546,618,923
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13,239,413,911	13,140,842,819
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	13,239,413,911	13,140,842,819
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		6,239,413,911	6,140,842,819
II. Tài sản cố định	220		7,670,977,627	8,376,062,925
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3,759,578,453	3,926,457,864
<i>Nguyên giá</i>	222		22,178,221,858	21,522,155,858
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18,418,643,405)	(17,595,697,994)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	3,911,399,174	4,449,605,061
<i>Nguyên giá</i>	228		7,064,854,959	7,034,854,959
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,153,455,785)	(2,585,249,898)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	993,041,334,604	760,465,005,000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	55,550,000,000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		993,041,334,604	704,915,005,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		8,780,831,258	32,564,708,179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8,780,831,258	32,564,708,179
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3,853,773,198,643	3,482,563,026,083

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,767,734,634,794	2,430,287,741,234
I. Nợ ngắn hạn	310		2,766,982,363,510	2,428,562,041,118
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		539,314,245,916	398,439,746,681
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	514,038,695,902	382,300,546,123
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		25,275,550,014	16,139,200,558
3. Người mua trả tiền trước	313		6,217,556,473	5,338,891,183
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	20,415,991,129	19,954,361,734
5. Phải trả người lao động	315		44,741,810,185	76,150,801,660
6. Chi phí phải trả	316		451,593,275	407,425,198
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	9,341,317,240	7,301,755,642
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	121,411,890,772	112,803,915,104
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		38,534,951	74,134,032
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	2,025,049,423,569	1,808,091,009,884
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1,249,052,942,494	1,205,517,281,083
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		681,765,475,810	518,545,249,357
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		94,231,005,265	84,028,479,444
II. Nợ dài hạn	330		752,271,284	1,725,700,116
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000	6,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		751,271,284	1,719,700,116
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1,086,038,563,849	1,052,275,284,849
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1,086,038,563,849	1,052,275,284,849
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		14,759,267,925	13,070,883,929
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71,279,295,924	39,204,400,920
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3,853,773,198,643	3,482,563,026,083


Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2022


Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng

Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2021
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	614,200,088,585	375,290,128,124	1,187,475,634,582	693,577,923,016
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	91,732,597,350	19,613,923,692	116,079,226,920	34,736,201,496
3. Thu nhập khác	13	421,998,902	246,100,555	712,358,599	366,473,618
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	593,764,197,657	333,950,070,743	1,111,983,315,952	623,453,159,353
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	6,204,867,692	7,217,304,001	13,633,794,626	(4,925,195,653)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	84,444,510,648	52,908,333,260	137,549,015,452	107,013,329,396
7. Chi phí khác	24	20,431,320	14,945,282	62,004,135	18,815,867
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	21,920,677,520	1,059,499,085	41,039,089,936	3,120,489,167
		0	0		
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	17,473,737,767	1,473,745,546	33,767,679,919	3,120,489,167

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2021
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	20	711,924,510,771	471,862,587,625	1,397,363,960,007	880,096,712,602
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		764,480,254,375	533,767,803,443	1,421,199,280,436	1,009,921,459,920
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		14,143,382,499	11,821,808,954	19,700,340,982	14,925,749,353
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		66,699,126,103	73,727,024,772	43,535,661,411	144,750,496,671
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	21	176,281,410,529	143,338,431,374	344,763,884,288	274,597,997,694
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		246,053,341,283	175,142,411,483	420,647,039,328	333,896,955,511
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		69,771,930,754	31,803,980,109	75,883,155,040	59,298,957,817
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		535,643,100,242	328,524,156,251	1,052,600,075,719	605,498,714,908
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		78,556,988,343	46,765,971,873	134,875,558,863	88,079,208,108
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		46,039,512,558	46,742,861,698	102,315,063,743	88,009,099,175
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		32,517,475,785	23,110,175	32,560,495,120	70,108,933
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		614,200,088,585	375,290,128,124	1,187,475,634,582	693,577,923,016
6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)	11		246,058,649,520	249,154,821,084	389,641,578,651	394,731,181,904
- Tổng chi bồi thường	11.1		246,058,649,520	249,154,821,084	389,641,578,651	394,731,181,904
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		85,037,876,019	114,919,453,999	133,239,626,902	180,550,032,801
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		71,518,284,485	(55,280,096,007)	163,220,226,453	(11,380,891,064)
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		59,125,035,956	(32,002,702,565)	93,373,969,317	(12,095,140,399)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	22	173,414,022,030	110,957,973,643	326,248,208,885	214,895,398,438
11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	16		5,329,717,037	4,440,957,304	10,202,525,821	6,909,448,080
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	23	415,020,458,590	218,551,139,796	775,532,581,246	401,648,312,835
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		66,341,825,922	21,752,158,049	92,979,366,880	38,762,606,765
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		348,678,632,668	196,798,981,747	682,553,214,366	362,885,706,070
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		593,764,197,657	333,950,070,743	1,111,983,315,952	623,453,159,353
14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		20,435,890,928	41,340,057,381	75,492,318,630	70,124,763,663

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

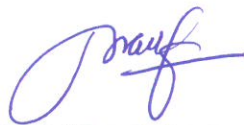
Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2021
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	91,732,597,350	19,613,923,692	116,079,226,920	34,736,201,496
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	6,204,867,692	7,217,304,001	13,633,794,626	(4,925,195,653)
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		85,527,729,658	12,396,619,691	102,445,432,294	39,661,397,149
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	84,444,510,648	52,908,333,260	137,549,015,452	107,013,329,396
19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		21,519,109,938	828,343,812	40,388,735,472	2,772,831,416
20. Thu nhập khác	31		421,998,902	246,100,555	712,358,599	366,473,618
21. Chi phí khác	32		20,431,320	14,945,282	62,004,135	18,815,867
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		401,567,582	231,155,273	650,354,464	347,657,751
23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21,920,677,520	1,059,499,085	41,039,089,936	3,120,489,167
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4,446,939,753	(414,246,461)	7,271,410,017	-
25. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17,473,737,767	1,473,745,546	33,767,679,919	3,120,489,167



Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

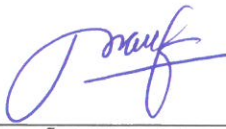
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 03a-DNPNT

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 2	
		Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1,078,994,284,675	594,458,903,174	1,901,224,171,180	1,133,938,782,139
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(710,500,454,205)	(502,313,228,051)	(1,341,611,643,710)	(933,321,575,481)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(66,478,788,654)	(59,213,750,311)	(178,045,296,921)	(155,121,566,708)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2,861,099,094)	(414,246,461)	(3,593,406,266)	(1,250,536,711)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	(9,622,569,227)	8,118,724,355	2,669,917,072	14,182,418,921
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(78,489,428,845)	(35,480,654,599)	(128,535,104,930)	(89,308,825,416)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	211,041,944,650	5,155,748,107	252,108,636,425	(30,881,303,256)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(686,066,000)	(474,680,000)	(686,066,000)	(774,680,000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(219,000,088,000)	(95,001,000,000)	(232,000,132,000)	(118,001,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	429,025,100,000	74,500,000,000	508,025,100,000	82,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	162,611,035,000	-	(276,140,594,550)	(644,404,100,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	(431,635,135,000)	-	(162,611,035,000)	341,427,423,241
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(160,963,317,622)	10,112,550,035	15,262,428,876	172,655,182,273
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(220,648,471,622)	(10,863,129,965)	(148,150,298,674)	(166,597,174,486)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1,294,234)	(77,316,231)	(6,673,183)	(232,200,547)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1,294,234)	(77,316,231)	(6,673,183)	(232,200,547)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(9,607,821,206)	(5,784,698,089)	103,951,664,568	(197,710,678,289)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	334,300,240,851	139,967,623,062	220,739,121,164	331,894,290,934
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	233,798	(1,267,257)	1,867,711	(1,954,929)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)	70	324,692,653,443	134,181,657,716	324,692,653,443	134,181,657,716



Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 là 1000 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 1.705 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.686 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và bốn mươi chín (49) đơn vị trực thuộc, bao gồm: VNI Hà Nội, VNI Thành phố Hồ Chí Minh, VNI Đà Nẵng, VNI Nghệ An, VNI Hải Phòng, VNI Hải Dương, VNI Tây Nguyên, VNI Nam Hồng Hà, VNI Thăng Long, VNI Quảng Ninh, VNI Đông Đô, VNI Quảng Bình, VNI Bắc Giang, VNI Thanh Hóa, VNI Vĩnh Phúc, VNI Bình Định, VNI Đông Nam Bộ, VNI Sài Gòn, VNI Khánh Hòa, VNI Nam Tây Nguyên, VNI Quảng Ngãi, VNI Thủ đô, VNI Tây Nam Bộ, VNI Tân Sơn Nhất, VNI Thành Đô, VNI Bến Thành, VNI Long An, Sở Giao dịch, VNI Tây Bắc, VNI Trảng An, VNI Hà Thành, VNI Vũng Tàu, Sở Giao dịch 2; VNI Huế; VNI Duyên Hải; VNI Bình Dương; VNI Âu Lạc; VNI Gia Định; VNI Kinh Đô; VNI Vạn Xuân; VNI Hà Tuyên; VNI Lâm Đồng; VNI Nam Định; VNI Phú Thọ; VNI Tiền Giang; VNI Bắc Ninh, VNI Quảng Nam, VNI Thái Nguyên và Văn phòng đại diện Miền Nam.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỷ kế toán

Kỷ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:
Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày 31 tháng 06 năm 2022, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự phòng tổn} \\ \text{thất các khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \left[\begin{array}{c} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công ty đã trích lập.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2022
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phí chưa được hưởng:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe

- Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm)

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo phương pháp phí bảo hiểm thuần và cơ sở quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, tiết a, điểm 3.1 khoản 3 điều 18 thông tư 50/2017/TT-BTC và điểm 1 Khoản 1 Thông tư 01/2019/TT-BTC của Bộ tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 1917/BTC-QLBH ngày 28 tháng 2 năm 2022.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe khác: áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.

- Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống)

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm và một số khoản chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình quản lý hợp

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

đồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm của hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn*

Áp dụng phân bổ theo tỷ lệ dự phòng toán học trên doanh thu phí bảo hiểm gốc.

- *Đối với các hợp đồng bảo hiểm khác có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	4,644,929,062	4,122,639,815
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	319,791,073,223	186,616,481,349
Tiền đang chuyển	256,651,158	-
Các khoản tương đương tiền (i)	-	30,000,000,000
	324,692,653,443	220,739,121,164

- (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	626,522,485,089	(4,961,028,751)	657,122,435,008	(4,017,918,257)
<i>a) Chứng khoán kinh doanh</i>	<i>249,022,485,089</i>	<i>(4,961,028,751)</i>	<i>257,621,435,008</i>	<i>(4,017,918,257)</i>
- Tổng giá trị cổ phiếu	249,022,485,089	(4,961,028,751)	257,621,435,008	(4,017,918,257)
<i>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>377,500,000,000</i>	<i>-</i>	<i>399,501,000,000</i>	<i>-</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	377,500,000,000	-	399,501,000,000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	993,041,334,604	-	760,465,005,000	-
<i>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>40,000,000,000</i>	<i>-</i>	<i>25,000,000,000</i>	<i>-</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	40,000,000,000	-	25,000,000,000	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
<i>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>36,990,000,000</i>	<i>-</i>	<i>92,540,000,000</i>	<i>-</i>
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	55,550,000,000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	36,990,000,000	-	36,990,000,000	-
<i>b) Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>916,051,334,604</i>	<i>-</i>	<i>642,925,005,000</i>	<i>-</i>
- Đầu tư mua cổ phiếu	916,051,334,604	-	642,925,005,000	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.
- (ii) Đầu tư vào Công ty liên kết cuối kỳ giảm do Công ty liên kết (Tổng Công ty tại Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp- Công ty Cổ phần) phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn làm giảm tỷ lệ cổ phần nắm giữ của Tổng Công ty, Tổng Công ty phân loại khoản đầu tư vào Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp- CTCP là khoản đầu tư dài hạn khác.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	119,834,744,296	105,411,364,158
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	113,742,230,233	100,711,862,590
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	6,092,514,063	4,699,501,568
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	13,355,520,803	14,225,535,596
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	166,430,196,699	146,420,645,177
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	5,493,901,901	8,141,086,427
d) Phải thu từ hoạt động môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm	14,111,201,024	23,414,136,503
e) Phải thu khác	1,378,362,904	5,289,320,067
	320,603,927,627	302,902,087,928

8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	38,359,899,321
Phải thu khác của khách hàng về hoạt động đầu tư cổ phiếu	301,117,999,998	438,780,370,000
Phải thu khác	1,222,137	-
	339,479,121,456	477,140,269,321

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	367,868,282,635	310,620,165,580
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	64,600,000	69,825,381
Tạm ứng	35,871,935,851	2,623,348,672
Phải thu ngắn hạn khác	331,931,746,784	307,926,991,527
b) Dài hạn	13,239,413,911	13,140,842,819
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	6,239,413,911	6,140,842,819
	381,107,696,546	323,761,008,399

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm		Từ 1 năm đến dưới 2 năm		Từ 2 năm đến dưới 3 năm		Từ 3 năm trở lên và không có khả năng thu hồi		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	730,905,697		998,352,211		756,271,742		396,045,931		2,881,575,581
Phải thu tái bảo hiểm	410,700,330		286,586,695		7,232,823		131,957,531		836,477,378
Nợ khác							1,341,981,680		1,341,981,680
Cộng	1,141,606,027		1,284,938,906		763,504,564		1,869,985,142		5,060,034,639

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2022.

	30/6/2022		31/12/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	43,419,933,960	41,749,288,919	43,196,142,422	41,610,425,721
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321
Các đối tượng khác	5,060,034,639	3,389,389,598	4,836,243,101	3,250,526,400

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đầu năm đến hết Quý 2/2022 VND	Năm 2021 VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	67,860,460,031	48,938,087,579
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	48,502,860,809	62,285,367,926
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	64,992,350,107	43,362,995,474
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	51,370,970,733	67,860,460,031
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Số cuối kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5,082,628,484	3,365,987,061
	56,453,599,217	71,226,447,092

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	436,024,686,065	360,141,531,025
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	395,930,927,441	302,556,958,124
	831,955,613,506	662,698,489,149

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	5,814,951,818	15,707,204,040	21,522,155,858
Mua sắm mới	-	656,066,000	656,066,000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5,814,951,818	16,363,270,040	22,178,221,858
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	4,372,610,279	13,223,087,715	17,595,697,994
Trích khấu hao	323,207,059	499,738,352	822,945,411
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4,695,817,338	13,722,826,067	18,418,643,405
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	1,442,341,539	2,484,116,325	3,926,457,864
Tại ngày cuối kỳ	1,119,134,480	2,640,443,973	3,759,578,453

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	7,034,854,959	7,034,854,959
Tăng do mua sắm	30,000,000	30,000,000
Số dư cuối kỳ	7,064,854,959	7,064,854,959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	2,585,249,898	2,585,249,898
Trích khấu hao	568,205,887	568,205,887
Số dư cuối kỳ	3,153,455,785	3,153,455,785
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	4,449,605,061	4,449,605,061
Tại ngày cuối kỳ	3,911,399,174	3,911,399,174

15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	412,569,215,264	317,020,902,185
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	7,212,362,009	8,401,301,123
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	31,261,181,193	36,025,970,994
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	11,104,240,119	9,619,977,892
e) Phải trả khác	51,891,697,317	11,232,393,929
	514,038,695,902	382,300,546,123

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Các khoản phải nộp		
Thuế GTGT	15,523,357,447	18,380,841,314
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,410,310,923	732,307,172
Thuế thu nhập cá nhân	370,128,354	657,770,633
Thuế nhà thầu nước ngoài	19,115,910	58,126,391
Thuế, phí phải nộp khác	93,078,495	125,316,224
	20,415,991,129	19,954,361,734

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2021
	VND	VND
1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	112,803,915,104	67,539,079,521
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	70,441,353,402	123,255,943,516
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(61,833,377,734)	(77,991,107,933)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	121,411,890,772	112,803,915,104
2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả bảo hiểm xã hội	96,451,497	54,715,498
Phải trả bảo hiểm y tế	16,866,843	16,244,422
Phải trả kinh phí công đoàn	2,192,389,735	1,135,514,224
Phải trả các cổ đông	3,576,978,955	3,583,847,400
Phải trả khác	3,458,630,210	2,511,434,098
	9,341,317,240	7,301,755,642

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
1. Dự phòng bồi thường	681,765,475,810	395,930,927,441	285,834,548,369
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	602,696,198,335	371,706,563,395	230,989,634,940
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	79,069,277,475	24,224,364,046	54,844,913,429
2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	1,249,052,942,494	436,024,686,065	813,028,256,429
Cộng	1,930,818,418,304	831,955,613,506	1,098,862,804,798

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	518,545,249,357	302,556,958,124	215,988,291,233
Số trích lập trong kỳ	163,220,226,453	93,373,969,317	69,846,257,136
Số dư cuối kỳ	681,765,475,810	395,930,927,441	285,834,548,369

2. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng toán học	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	1,205,517,281,083	360,141,531,025	845,375,750,058
Số trích lập trong kỳ	43,535,661,411	75,883,155,040	(32,347,493,629)
Số dư cuối kỳ	1,249,052,942,494	436,024,686,065	813,028,256,429

3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối

	Từ đầu năm đến hết Quý 2/2022	Năm 2021
Số dư đầu kỳ	84,028,479,444	69,039,832,100
Số trích lập thêm trong kỳ	10,202,525,821	14,988,647,344
Số dư cuối kỳ	94,231,005,265	84,028,479,444

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2021	1,000,000,000,000	12,208,547,038	22,882,371,308	1,035,090,918,346
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	200,000,000,000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	17,246,737,810	17,246,737,810
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	862,336,891	(862,336,891)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(62,371,307)	(62,371,307)
Số dư tại ngày 31/12/2021	1,000,000,000,000	13,070,883,929	39,204,400,920	1,052,275,284,849
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2022	1,000,000,000,000	13,070,883,929	39,204,400,920	1,052,275,284,849
Lợi nhuận/(Lỗ) trong kỳ	-	-	33,767,679,919	33,767,679,919
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	1,688,383,996	(1,688,383,996)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4,400,919)	(4,400,919)
Số dư tại ngày 30/06/2022	1,000,000,000,000	14,759,267,925	71,279,295,924	1,086,038,563,849

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2021
	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	1,422,237,798,966	1,012,523,964,580
Bảo hiểm hàng không	3,826,601,300	5,847,266,330
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	301,459,803,800	103,035,600,292
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	40,181,394,032	49,331,734,084
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	27,025,034,874	29,235,622,749
Bảo hiểm xe cơ giới	926,897,217,155	721,910,367,185
Bảo hiểm cháy nổ	92,643,890,546	81,458,862,211
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	25,122,144,437	17,254,701,626
Bảo hiểm trách nhiệm chung	3,847,618,883	3,793,786,002
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	1,234,093,939	656,024,101
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(1,038,518,530)	(2,602,504,660)
Phí nhận tái bảo hiểm	19,725,954,687	14,931,749,970
Bảo hiểm hàng không	110,108,747	278,295,972
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	5,346,581,286	3,055,275,925
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	9,462,682,848	8,363,326,916
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	114,846,329	1,219,247,087
Bảo hiểm xe cơ giới	27,623,346	10,908,963
Bảo hiểm cháy nổ	2,322,624,412	1,257,608,211
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	2,197,838,215	686,191,582
Bảo hiểm trách nhiệm chung	7,149,450	25,712,010
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	136,500,054	35,183,304
Bảo hiểm trách nhiệm chung		
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh		
Bảo hiểm nông nghiệp		
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(25,613,705)	(6,000,617)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(43,535,661,411)	(144,750,496,671)
	1,397,363,960,007	880,096,712,602

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2021
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	420,647,039,328	333,896,955,511
Bảo hiểm hàng không	3,753,206,693	5,689,992,719
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	10,625,206,836	10,315,318,649
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	26,164,107,906	36,214,383,171
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	16,837,012,642	19,895,512,228
Bảo hiểm xe cơ giới	273,507,957,326	187,342,657,302
Bảo hiểm cháy nổ	70,218,481,944	61,455,222,026
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	17,448,588,190	11,365,797,462
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1,451,114,581	1,078,561,001
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	641,363,210	539,510,953
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(75,883,155,040)	(59,298,957,817)
	344,763,884,288	274,597,997,694

22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2021
	VND	VND
Tổng chi bồi thường	389,641,578,651	394,731,181,904
Bảo hiểm hàng không	311,360,661	10,931,843,631
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	22,576,920,521	20,613,526,924
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	6,291,458,284	29,928,129,208
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	10,426,740,908	9,485,061,029
Bảo hiểm xe cơ giới	338,969,083,409	277,135,135,822
Bảo hiểm cháy nổ	3,752,701,856	16,588,998,279
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	6,454,451,263	5,383,476,710
Bảo hiểm trách nhiệm chung	858,861,749	24,665,010,301
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	-
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(133,239,626,902)	(180,550,032,801)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	163,220,226,453	(11,380,891,064)
(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(93,373,969,317)	12,095,140,399
	326,248,208,885	214,895,398,438

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2021
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	92,979,366,880	38,762,606,765
Chi đòi người thứ ba	-	35,751,817
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	-	-
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	-	100,619,593
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	705,514,885	2,315,433,677
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	562,945,204,446	284,576,572,259
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	118,494,438,098	74,345,418,405
Chi khác	408,056,937	1,511,910,319
	775,532,581,246	401,648,312,835

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13,025,625,534	10,791,098,213
Lãi kinh doanh chứng khoán	8,892,189,283	5,746,911,832
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5,036,000,000	5,275,385,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	637,013,421	1,019,209,132
Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	88,488,398,682	11,903,597,319
	116,079,226,920	34,736,201,496

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2021
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	943,110,494	(8,163,038,119)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	12,436,679,837	2,762,809,017
Chi phí lãi vay	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	252,904,295	404,566,395
Chi phí hoạt động tài chính khác	1,100,000	70,467,054
	13,633,794,626	(4,925,195,653)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**


Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

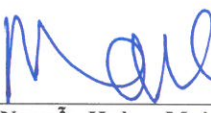
26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	97,856,019,097	69,221,752,955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29,900,158,964	28,052,699,193
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	138,863,198	(665,235,684)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,391,151,298	1,127,123,773
Chi phí dụng cụ văn phòng	4,812,091,922	5,261,507,426
Chi phí vật liệu quản lý	1,696,621,180	2,752,725,045
Thuế, phí và lệ phí	735,332,765	469,777,265
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	280,102,339	114,324,500
Chi phí quản lý khác	738,674,689	678,654,923
	137,549,015,452	107,013,329,396

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ đầu năm đến hết Quý 2/2022	Từ đầu năm đến hết Quý 2/2021
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	41,039,089,936	3,120,489,167
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(5,037,867,711)	(5,275,385,000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	355,827,859	132,251,828
Thu nhập chịu thuế	36,357,050,084	(2,022,644,005)
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	7,271,410,017	-


Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu


Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2022